Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 34

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ ĐAN THƯỢNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 2D	Giáp xã Hạ Hòa	Ngã 3 đường rẽ chùa Phúc Long	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
2		Ngã 3 đường rẽ chùa Phúc Long	Ngã 3 đường rẽ vào Nghĩa trang Liệt sĩ Đan Thượng	5.500	3.000	2.200	2.200	1.200	900	1.700	900	700
3		Ngã 3 đường rẽ vào Nghĩa trang Liệt sĩ Đan Thượng	Ngã tư đường sắt Hà Nội - Lào Cai	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
4		Ngã tư đường sắt Hà Nội - Lào Cai	Ngã 3 đường rẽ vào khu 8 Đan Thượng cũ	4.500	2.500	1.800	1.800	1.000	700	1.400	700	500
5		Ngã 3 đường rẽ vào khu 8 Đan Thượng cũ	Ngã 3 đường rẽ đi Lào Cai	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
6		Ngã 3 đường rẽ đi Lào Cai	Giáp địa phận tỉnh Lào Cai	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
7	Đường Quốc lộ 70	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	Ngã 3 đường rẽ đi khu 8 Đại Phạm cũ	2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
8		Ngã 3 đường rẽ đi khu 8 xã Đại Phạm cũ	Ngã 3 giao tỉnh lộ 314 và Quốc lộ 70	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
9		Ngã 3 giao tỉnh lộ 314 và Quốc lộ 70	Giáp địa phận tỉnh Lào Cai	4.500	2.500	1.800	1.800	1.000	700	1.400	700	500
10	Đường tỉnh 314 mới	Ngã 3 giao tỉnh lộ 314 và Quốc lộ 70	Ngã tư đường rẽ đi khu 5 xã Đại Phạm cũ	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
11		Ngã tư đường rẽ đi khu 5 xã Đại Phạm cũ	Ngã 3 đường đi Bằng Luân	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
12		Ngã 3 đường đi Bằng Luân	Ngã ba đường rẽ đi trường Mầm non Hà Lương	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
13		Ngã ba đường rẽ đi trường Mầm non Hà Lương	Ngã 3 giao tỉnh lộ 319C	4.800	2.600	1.900	1.900	1.100	800	1.400	800	600
14		Ngã 3 giao Tỉnh lộ 319C	Giáp xã Hạ Hòa	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
15	Đường tỉnh 319C	Ngã 3 giao Tỉnh lộ 314 mới	Giáp xã Bằng Luân	4.800	2.600	1.900	1.900	1.100	800	1.400	800	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường tỉnh 314C cũ	Giao Tỉnh lộ 314 mới qua UBND xã Hà Lương cũ	Giao Tỉnh lộ 314 mới	2.500	1.400	1.000	1.300	700	500	1.000	500	400
17		Ngã tư rẽ đi khu 5 xã Đại Phạm cũ	Ngã 3 chợ Đại Phạm	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
18		Ngã 3 chợ Đại Phạm	Giao Tỉnh lộ 314 mới	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
19	Đường huyện tuyến 2	Ngã tư đường sắt Hà Nội - Lào Cai	Ngã 4 đường rẽ đi khu 4 Đan Thượng cũ	4.500	2.500	1.800	1.800	1.000	700	1.400	700	500
20		Ngã 4 đường rẽ đi khu 4 Đan Thượng cũ	Cầu Đập Đồng Phai	3.000	1.000	700	700	400	300	500	300	200
21		Cầu Đập Đồng Phai	Cầu Một Cây	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
22		Cầu Một Cây	Ngã 3 đường rẽ vào khu 3 Đại Phạm cũ	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
23		Ngã 3 đi lải tràn Đại Phạm cũ	Ngã 3 đường rẽ đi Tứ Hiệp cũ	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
24		Ngã 3 đường rẽ đi Tứ Hiệp cũ	Nhà văn hóa khu 4 xã Tứ Hiệp cũ	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
25		Nhà văn hóa khu 4 xã Tứ Hiệp cũ	Giao đường sắt	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
26	Đường huyện tuyến 3	Ngã 3 đường rẽ đi Tứ Hiệp cũ	Ngã 3 khu 7	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
27	Đường huyện tuyến 4	Ngã 3 chùa Phúc Long	Ngã tư Thanh Hương	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
28		Ngã tư Thanh Hương	Đỉnh dốc núi Chùa	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
29		Đỉnh dốc núi Chùa	Giao Tỉnh lộ 314 cũ	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
30	Đường huyện tuyến 5	Ngã 3 cầu Ông Cống	Giáp địa giới hành chính xã Hạ Hòa	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
31		Giáp địa giới hành chính xã Hạ Hòa	Ngã tư Thanh Hương	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
32		Ngã tư Thanh Hương	Ngã 3 cầu Ông Cống	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
33		Ngã 3 cầu Ông Cống	Hết kho K5	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
34		Tiếp giáp kho K5	Quốc lộ 2D	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
35	Đường đê 15	Giáp Quốc lộ 2D	Cống Cầu Đen	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
36		Cống Cầu Đen	Nghĩa trang khu 10 Đan Thượng cũ	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
37		Nghĩa trang khu 10 Đan Thượng cũ	Ngã 3 đường rẽ đi Lào Cai	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
38	Đường trục chính xã	Cống Cầu Ván	Cầu số 3 Ngòi Hiên	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
39		Cầu số 3 Ngòi Hiêng	Ngã 3 bưu điện Lệnh Khanh	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
40	Đường trục chính xã	Ngã 3 khu 8 Đại Phạm cũ	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
41		Quốc lộ 70B	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
42		Đường tỉnh lộ 314 mới	Tỉnh lộ 314 cũ giáp trụ sở công an	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
43		Đường tỉnh lộ 314 mới	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
44	Các tuyến đường khác	Đường liên thôn xóm		800	440	320	320	180	130	240	130	100
45		Đoạn đường liên xã còn lại		1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
46		Giáp Chi nhánh Ngân hàng Agribank Đan Thượng	Trường THCS xã Đan Thượng	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
47		Nhà bà Hòa khu 3	Hết địa phận xã Đan Thượng	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
48		Nhà ông Thái khu 6	Nhà văn hóa khu 7	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
49		Nhà ông Lập khu 12	Nhà ông Diễn khu 11	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
50		Giáp nhà bà Hồng Mùi, khu 4, xã Hà Lương (cũ)	Nhà ông Thanh Hương, khu 2 (giáp xã Tứ Hiệp cũ)	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
51		Ngã ba (Quốc lộ 2D)	Ngã tư Đồng Đình khu 7	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
52		Nhà ông Khanh Tần khu 3	Nhà ông Huề khu 1, giáp xã Đan Thượng	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
53		Giáp ngã tư Đồng Đình khu 2	Đầm Sen, khu 7	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
54		Nhà ông Trung Hoa khu 11	Nhà bà Tơ khu 11	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
*	**Khu tái định cư**											
55	Khu TĐC (Dự án Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng)	Khu vực Đông Sâu, khu 2, Đan Thượng		5.400			2.200			1.600		
56		Khu vực Giếng Nghè, khu 2, Đan Thượng		2.500			1.000			800		
57		Khu 3 Đan Thượng cũ		4.000			1.600			1.200		
58		Đầm Vỡ khu 1 Tứ Hiệp cũ (Tràn đồng Vỡ khu 1)		1.400			560			420		
59		Đầm Sen khu 7 Tứ Hiệp cũ (Tràn Đầm Sen)		2.200			900			600		
60	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			600			240			180		